

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN

Khoa: Luật

Bậc học: ĐẠI HỌC

Tên học phần: Tâm lý học tư pháp

Học kì:..... Năm học:.....

Địa điểm học tập:Tòa nhà D, 193 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội

Mã DS: 3088

Ngành học: Luật kinh tế

Hệ đào tạo: Đại học Chính qui

Mã học phần: CNCL18

Ngày thi: 25/11/2016

Phòng thi: P3.3

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP CN	ĐIỂM			ĐIỂM HỌC PHẦN	GHI CHÚ
					Chuyên cần	Giữa kỳ	Thi		
1	14A51010041	Đào Mai Anh	24/05/1996	KT1402	10	9	8	8.5	
2	14A51010029	Hoàng Thị Vân Anh	24/10/1995	KT1402	10	8	9	9.0	
3	14A51010101	Nguyễn Trương Việt Anh	13/09/1993	KT1402	10	9	3	5.0	
4	14A51010059	Phan Văn Tuấn Anh	24/04/1996	KT1402	7	8	8	7.9	
5	14A51010106	Trần Nam Anh	04/02/1996	KT1402	10	7.5	7	7.5	
6	14A51010060	Nguyễn Thị Phương Chinh	03/08/1996	KT1402	10	8	7	7.6	
7	14A51010023	Đỗ Mạnh Cường	27/08/1996	KT1402	10	7.5	8	8.2	
8	14A51010051	Phan Thị Kim Dung	01/04/1996	KT1402	10	8	7	7.6	
9	14A51010081	Nguyễn Việt Dũng	01/02/1993	KT1402	10	7	7	7.5	
10	14A51010109	Hoàng Thị Hà	24/06/1995	KT1402	10	8	7	7.6	
11	14A51010026	Nguyễn Thị Thu Hà	20/01/1996	KT1402	10	9	8	8.5	
12	14A51010044	Lê Ngọc Hải	27/01/1996	KT1402	10	9	7	7.8	
13	13A51010065	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/06/1995	KT1402	10	9	8	8.5	
14	14A51010011	Trần Thu Hiền	17/01/1996	KT1402	10	8	6	6.9	
15	14A51010092	Lò Minh Huyền	25/12/1996	KT1402	10	8.5	7	7.7	
16	14A51010001	Trần Khánh Hưng	13/09/1996	KT1402	10	7.5	7	7.5	
17	14A51010078	Nguyễn Tùng Lâm	04/10/1996	KT1402	10	7.5	7	7.5	
18	14A51010053	Nguyễn Bảo Linh	08/07/1995	KT1402	10	9	8	8.5	
19	14A51010072	Phạm Thị Huyền Linh	22/11/1996	KT1402	10	7	6	6.8	
20	14A51010061	Bùi Bích Phượng	29/06/1996	KT1402	10	8	7	7.6	
21	14A51010014	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	10/08/1996	KT1402	4	8	7	6.7	
22	14A51010069	Bùi Văn Thành	20/09/1996	KT1402	10	8	7	7.6	
23	14A51010009	Đoàn Phương Thảo	09/08/1996	KT1402	10	8	5	6.2	
24	14A51010022	Vũ Thị Hồng Thơm	19/03/1995	KT1402	10	8	6	6.9	

Mã DS: 3088

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP CN	ĐIỂM			ĐIỂM HỌC PHẦN	GHI CHÚ
					Chuyên cần	Giữa kỳ	Thi		
25	14A51010006	Hà Huyền Trang	29/11/1996	KT1402	10	8	6	6.9	
26	14A45010134	Nguyễn Quỳnh Trang	24/03/1996	KT1402	7	8	6	6.5	
27	14A51010065	Nguyễn Thị Trang	07/04/1996	KT1402	10	8.5	9	9.1	
28	14A51010076	Tạ Thị Trang	08/03/1996	KT1402	10	8	8	8.3	
29	14A51010046	Nguyễn Thị Thu Trà	09/03/1996	KT1402	7	7.5	8	7.8	
30	14A51010034	Đinh Thị Kiều Trinh	07/05/1996	KT1402	10	8	7	7.6	
31	14A51010002	Nguyễn Anh Tuấn	04/07/1996	KT1402	10	9	7	7.8	
32	14A51010052	Bùi Thanh Tùng	20/06/1996	KT1402	10	8	6	6.9	
33	14A51010031	Nguyễn Thị Xuân	26/12/1996	KT1402	10	8	7	7.6	
34	14A51010093	Nguyễn Thị Yến	11/11/1996	KT1402	10	8	8	8.3	
35	14A51010094	Trần Thị Hải Yến	25/12/1995	KT1402	10	8	8	8.3	

Số SV có trong danh sách: 35 Số SV đạt yêu cầu: 35 Số SV không đạt yêu cầu: 0

Lập biểu

Hà Nội, ngày tháng năm 20.....

CHỦ NHIỆM KHOA

Lê Quang Mạnh
16:03:32 11/01/2017